

210/799

BỘ Y TẾ
CỤC QUẢN LÝ DƯỢC
ĐÃ PHÊ DUYỆT

Lần đầu: 10 / 10 / 12

SAME SIZE ARTWORK
CARTON SIZE: 108 mm x 29 mm x 21 mm



SAME SIZE ARTWORK CANDIDERM CREAM 155, SIZE: Dia 19.05 mm x 95 mm Length

Rx Prescription Medicine

CandidermTM Cream

STEROID + ANTIBIOTIC + ANTIFUNGAL

COMPOSITION:

Clotrimazole USP 1% w/w
Anhydrous Beclomethasone
Dipropionate BP 0.025% w/w
Gentamicin Sulphate BP
equivalent to Gentamicin
base (1000µmg) 0.1% w/w
Cream base q.s.

E000000-0610 VN
Mfg. Lic. No. NKD/543
Visa No.

FOR EXTERNAL APPLICATION ONLY

Indication, Administration & Contraindication:

See package insert

CAREFULLY READ THE INSERT BEFORE USE

KEEP OUT OF REACH OF CHILDREN

Specification: In-house

Store below 25°C. Protect from light.

Puncture nozzle seal with piercing point of finger

MANUFACTURED BY
Glenmark
PHARMACEUTICALS LTD.
107, MIDC INDUSTRIAL ESTATE,
32, MIDC JAWAHAR NAGAR,
MUMBAI - 400 006 (INDIA)
PACIFIC PHARMACEUTIC AREA,
BAYVIEW, MAJOR ROAD 200,
KAWANAHATHA, INDIA.
© Trade Mark

Manufacturing Date 24 Months
before Expiry Date Batch No.
& Expiry Date on Crimp



ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG. Nếu cần thêm thông tin, xin hỏi ý kiến bác sĩ. Thuốc này chỉ dùng theo đơn của bác sĩ.

ĐÃ PHÊ DUYỆT

Lần đầu: 10/10/12

THÀNH PHẦN

Clotrimazole U.S.P. 1%

Kem CANDIDERM

210/79

Beclometasone Dipropionate BP 0.025%

Gentamicin sulfate tương đương gentamicin BP 0.1%

Tá dược: Dầu parafin trắng, Sáp nhũ hoá Cetomacrogol, Methyl paraben, Natri Phosphat khan, Natri Dihydrophosphat, Parafin lỏng, Cồn Benzylic (Benzyl Alcohol), Propyl paraben, Butylated Hydroxy Toluene, Propylen Glycol, nước tinh chế vđ.

ĐƯỢC LỰC HỌC

CANDIDERM chứa:

- Clotrimazole, một thuốc chống nấm nhóm imidazole, dùng điều trị tại chỗ các nhiễm nấm nông. Clotrimazole được tổng hợp đầu tiên vào năm 1967 và có tên hóa học là 1- (o-chloro- diphenyl-benzyl) imidazole. Công thức phân tử là $C_{22}H_{17}ClN_2$ với phân tử lượng 344,8.

- Beclometasone dipropionate là một corticosteroid dùng để điều trị nhiều bệnh về da. Tên hóa học là α -chloro-11 β , 17 α , 21- trihydroxy- 16 β - methylpregna- 1,4- diene-3, 20- dione 17,21- dipropionate với công thức phân tử $C_{28}H_{37}ClO_7$, phân tử lượng 521.0.

- Kem CANDIDERM cũng chứa một kháng sinh là Gentamicin sulphate. Tên hóa học là 2- [4, 6- diamino- 3- [3-amino- 6 - (1- methylaminoethyl) oxan-2-yl] oxy-2-hydroxy- cyclohexoxy] -5-methyl- 4- methylamino- oxane-3,5- diol sulphate với công thức phân tử $C_{21}H_{43}N_5O_7H_2SO_4$ và phân tử lượng 575,67.

Cơ chế tác dụng

Clotrimazole

Clotrimazole là một dẫn xuất imidazole, có tác dụng chống nấm do ức chế tổng hợp sterol của nấm. Clotrimazole ức chế các enzym chuyển 2,4-methylenedihydrolanosterol thành demethylsterol, tiền chất của ergosterol, một thành phần thiết yếu của màng tế bào chất của nấm.

Ở nồng độ diệt nấm tối thiểu, Clotrimazole gây rò rỉ các phức hợp phospho nội bào vào môi trường xung quanh cùng với sự bề gãy acid nucleic của tế bào và tăng dòng kali ra. Nó cũng làm rò rỉ các thành phần thiết yếu của nội bào dẫn đến ức chế tổng hợp các đại phân tử như protein, lipid, DNA và polysaccharid.

Các cơ chế khác của tác dụng chống nấm của Clotrimazole bao gồm ảnh hưởng đến ATPase màng tế bào chất, ảnh hưởng đến vận chuyển qua màng, và chuyển hóa acid béo.

Beclometasone Dipropionate

Beclometasone là một corticosteroid halogen hóa dùng tại chỗ có độ mạnh trung bình. Corticosteroid có nhiều cơ chế tác dụng bao gồm tác dụng chống viêm, ức chế miễn dịch và chống tăng sinh tế bào. Tác dụng chống viêm do giảm sự hình thành, giải phóng và hoạt tính của các chất trung gian gây viêm (như kinin, histamin, các enzym liposom, prostaglandin, leukotriene) làm giảm các biểu hiện ban đầu của quá trình viêm. Corticosteroid ức chế sự di chuyển của tế bào đến vùng bị tổn thương, đảo ngược sự giãn mạch và tính thấm tăng của mạch tại vùng tổn thương, kết quả là làm giảm sự tiếp cận của các tế bào đến các khu vực tổn thương. Tác dụng co mạch này làm giảm sự thoát mạch của huyết thanh, sưng và khó chịu. Các đặc tính ức chế miễn dịch này làm giảm đáp ứng với các phản ứng quá mẫn ngay lập tức và muộn (típ III, típ IV). Các kết quả này có được từ sự ức chế độc tính của phức hợp kháng thể và kháng nguyên tạo ra ở thành mạch mà gây viêm mạch dị ứng ở da, và do ức chế tác dụng của lymphokin, các tế bào đích, và đại thực bào (chúng cùng nhau tạo ra các phản ứng viêm da dị ứng do tiếp xúc). Thêm vào đó, các corticosteroid cũng ngăn chặn sự tiếp cận của các tế bào T nhạy cảm và đại thực bào đến tế bào đích. Tác dụng chống tăng sinh tế bào làm giảm đặc tính sùng hóa của bệnh vẩy nến.

Gentamicin:

Gentamicin là một hỗn hợp 3 chất có cấu trúc tương tự nhau tổng hợp từ Micromonospora purpura. Gentamicin là một kháng sinh diệt khuẩn có tác dụng nhờ gắn kết với một protein đặc hiệu của bán đơn vị 30S của ribosom vi khuẩn, dẫn đến dịch sai RNA truyền tin và RNA vận chuyển khi bắt đầu tạo chuỗi peptid của vi khuẩn khiến các acid amin sai được lắp vào chuỗi peptid. Các ribosom bị ảnh hưởng được giải phóng ra và tiếp tục lắp lại quá trình này dẫn đến tăng tỷ lệ các chuỗi peptid không hoạt động.

Phổ kháng vi sinh vật

Clotrimazole:Nấm:

Clotrimazole là một thuốc kháng nấm phổ rộng, ức chế sự phát triển của hầu hết các nấm gây bệnh cho người, bao gồm:

- Blastomyces dermatitidis
- Candida spp (Clotrimazole có hiệu quả như nystatin đối với Candida spp)
- Coccidioides immitis
- Cryptococcus neoformans (Torula histolytica)
- Dermatophytes (Trichophyton, Microsporum, Epidermophyton)
- Histoplasma capsulatum
- Malassezia furfur
- Naegleria fowleri
- Nocardia spp
- Paracoccidioides brasiliensis
- Sporotrichum Schenckii



Gentamicin

Gentamicin có tác dụng chống lại hầu hết các vi khuẩn gram âm. Gentamicin có tác dụng chống lại các vi sinh vật sau:

- a) Staphylococcus aureus
- b) Streptococci
- c) Proteus vulgaris
- d) Pseudomonas aeruginosa
- e) Klebsiella- Enterobacter species
- f) Enterobacter aerogenes (Aerobacter aerogenes)
- h) Neisseria species

Ở nồng độ thấp hơn 2,5mcg/mL (trong ống nghiệm) Gentamicin chống lại hầu hết các vi khuẩn gram âm bao gồm E. coli, Klebsiella pneumonia, Enterobacter aerogenes, Serratia marcescens, và Citrobacter freundii. Ở nồng độ cao hơn (5 mcg/mL trong ống nghiệm) gentamicin có hiệu quả chống lại Pseudomonas aeruginosa, Enterobacter cloacae, Salmonella species, Shigella, Proteus mirabilis và Herellea spp.

DƯỢC ĐỘNG HỌC

Clotrimazole

Hấp thu

Hấp thu toàn thân sau khi dùng các chế phẩm Clotrimazole tại chỗ là rất ít. Ước tính sinh khả dụng thấp hơn 0,5%.

Phân bố

Sau khi bôi kem Clotrimazole vào da, nó phân bố vào trong lớp sừng, lớp nền, lớp nhú và lớp lưới. Nồng độ của Clotrimazole đạt được trong các lớp biểu bì lớn hơn nồng độ ức chế tối thiểu (MICs) đối với hầu hết các nấm gây bệnh. Các mức cao nhất đạt được trong lớp sừng (50 đến 100mcg/mL) và mức thấp nhất đạt được trong lớp nhú (1.53 đến 3 mcg/mL).

Thải trừ

Clotrimazole được hấp thu bị thải trừ chủ yếu vào phân, phần lớn qua thải trừ đường mật. Lượng thuốc thải trừ qua thận khoảng 0,05% đến 0,5%. Thời gian bán thải của Clotrimazole khoảng 3,5 đến 5 giờ.

Beclometasone

Mức độ hấp thu qua da của corticosteroid chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố bao gồm tá dược, tính nguyên vẹn của biểu bì và băng vết thương. Corticosteroid có thể được hấp thu qua da lành. Các chứng viêm và/ hay các chứng bệnh khác ở da có thể làm tăng độ hấp thu qua da. Băng vết thương làm tăng hấp thu corticosteroid qua da. Khi được hấp thu qua da, tính chất dược động học của corticosteroid giống với khi dùng toàn thân.

Bất cứ một lượng Beclometasone nào được hấp thu qua da sẽ được chuyển hóa bởi gan và thải trừ qua thận. Chưa biết hấp thu chính xác của Beclometasone.

Gentamicin

Không phát hiện thấy thuốc trong huyết thanh hay nước tiểu khi bôi da gentamicin 0,1%. Với nồng độ cao 5%, hấp thu qua da hờ có thể đạt tới 5%. Gentamicin bôi tại chỗ dễ hấp thu qua vết thương lớn, vết thương hở nhưng không hấp thu qua da lành. Thuốc ít liên kết với protein huyết tương (từ 0 đến 30%). Thuốc hấp thu hầu như hoàn toàn được thải trừ qua thận ở dạng không đổi (70 đến 100%) và chỉ một ít qua mật.

CHỈ ĐỊNH

Dùng để điều trị

1. Các bệnh da đáp ứng với Corticosteroid (Eczemas và các bệnh viêm da, dị ứng da khác) kèm nhiễm khuẩn hay nhiễm nấm thứ phát ví dụ như: Viêm da mãn tính, eczema/ viêm da dị ứng, viêm da tiếp xúc, viêm da tăng tiết bã nhờn, mụn mủ, trứng cá, viêm nang lông, chốc lở, bệnh nấm do Corynebacterium minutissimum, vẩy nến eczema hay nhiễm khuẩn...
2. Nhiễm nấm kèm viêm hay eczema thứ phát và/hoặc nhiễm khuẩn thứ phát. Ví dụ như các chứng nhiễm nấm da như nấm da chân, nấm da đùi và nấm da thân khi thường bị nhiễm khuẩn thứ phát thường được xem và các nhiễm nấm khác.
3. Nhiễm khuẩn (gây ra bởi các chủng vi khuẩn nhạy cảm nói trên) kèm eczema hay viêm thứ phát và/hoặc nhiễm nấm thứ phát như bệnh chốc lở lan truyền, viêm nang bễ mặt, mụn mủ, viêm nang râu và bệnh mủ da hoại thư.

CÁCH DÙNG VÀ LIỀU DÙNG

Nên rửa sạch vùng bôi thuốc bằng xà bông và nước sau đó để khô. Bôi một lượng nhỏ kem Candiderm thành một lớp mỏng lên vùng da bị bệnh. Ngày bôi 2 đến 3 lần. Đối với một số bệnh nhân có thể điều trị duy trì với ít lần dùng hơn mà vẫn đạt được kết quả tốt.

Người lớn

Liều khuyến cáo là bôi kem vào vùng da bị nhiễm bệnh với lượng vừa đủ 2-3 lần/ngày trong vòng 5-14 ngày. Chỉ bôi kem lên vết tổn thương với chiều dài dưới 10cm và diện tích 100cm². Nếu không thấy có đáp ứng lâm sàng trong vòng 3-5 ngày thì nên khám lại.

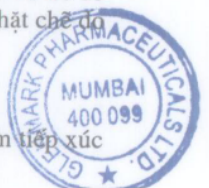
Bệnh nhân nhi

Chưa có hướng dẫn thống nhất về dùng các công thức kết hợp steroid cho trẻ em do sự biến đổi lớn giữa các cá nhân và kết quả lâm sàng. Mặc dù đã thấy dùng tại chỗ Beclometasone là an toàn cho một số trẻ nhỏ và trẻ sơ sinh, nhưng cần hết sức thận trọng khi dùng cho trẻ dưới 12 tuổi, khi thực sự cần thiết và giám sát y tế chặt chẽ do nguy cơ lớn hơn về hấp thu qua da và các phản ứng không mong muốn toàn thân.

Kem Candiderm được khuyến cáo chỉ dùng cho bệnh nhân trên 12 tuổi.

Chú ý:

Với những bệnh nhân bị bệnh chốc lở lan truyền, cần bóc vảy da trước khi dùng kem Candiderm để kem tiếp xúc tối đa với vùng bị nhiễm bệnh. Nên thận trọng để tránh nhiễm bẩn cho vùng da bị bệnh.



CHỐNG CHỈ ĐỊNH

1. Chống chỉ định cho những bệnh nhân mẫn cảm với Clotrimazole, Beclometasone, Gentamicin hay với bất kỳ thành phần nào của thuốc.
2. Chống chỉ định cho bệnh nhân bị lao da, thủy đậu, herpes simplex, sởi, bệnh đậu bò, bệnh giang mai, loét da.

DÙNG CHO CÁC ĐỐI TƯỢNG ĐẶC BIỆT

Dùng cho phụ nữ có thai

Chỉ nên dùng Candiderm cho phụ nữ mang thai khi lợi ích lớn hơn nguy cơ tiềm tàng cho thai nhi. Không dùng với thời gian dài cho phụ nữ có thai.

Clotrimazole: Loại B cho Phụ nữ có thai

Chưa có báo cáo nào về các phản ứng không mong muốn khi dùng Clotrimazole tại chỗ ở các nghiên cứu sinh sản trên động vật.

Tuy nhiên, vẫn chưa có các nghiên cứu kiểm soát tốt và đầy đủ về việc dùng Clotrimazole tại chỗ cho phụ nữ mang thai. Do đó chỉ nên dùng Clotrimazole cho phụ nữ mang thai nếu thực sự cần thiết.

Beclometasone Dipropionate: loại C cho phụ nữ có thai

Nhìn chung Corticosteroid gây quái thai trên động vật thí nghiệm khi dùng toàn thân ở mức liều thấp.

Giống như các Corticosteroid khác, dùng Beclometasone dipropionate bôi dưới da gây quái thai và chết thai ở chuột nhắt và thỏ khi dùng liều 0,1mg/kg/ngày ở chuột nhắt và liều 0,025mg/kg/ngày ở thỏ. Các liều này ở chuột nhắt và ở thỏ bằng gần một nửa liều hít khuyến cáo tối đa mỗi ngày cho người lớn tính theo mg/m². Không thấy các ảnh hưởng về quái thai hay chết thai ở chuột cống khi cho dùng liều hít 15mg/kg/ngày (khoảng 190 lần liều hít khuyến cáo tối đa mỗi ngày cho người lớn tính theo mg/m²).

Chưa có các nghiên cứu đầy đủ và kiểm soát tốt ở phụ nữ mang thai. Beclometasone dipropionate chỉ nên sử dụng khi mang thai khi lợi ích lớn hơn nguy cơ tiềm tàng cho thai nhi.

Gentamicin

Gentamicin dùng tại chỗ không gây ra dị tật bẩm sinh hay các vấn đề khác ở người. Tuy nhiên chỉ khuyến dùng gentamicin tại chỗ cho phụ nữ có thai khi thực sự cần thiết do e ngại hấp thu toàn thân và gây ra các tác dụng không mong muốn.

Phụ nữ cho con bú

Thận trọng khi dùng cho phụ nữ nuôi con bú vì không biết thuốc có đi vào sữa mẹ không.

Chưa biết có thành phần nào của thuốc Candiderm có thể đi vào sữa mẹ không. Không biết liệu bôi beclometasone có thể dẫn đến hấp thu toàn thân đủ để phát hiện ra thuốc trong sữa mẹ không. Vì hầu hết các corticosteroid đi vào sữa mẹ và lượng hấp thu toàn thân chính xác của beclometasone chưa được biết, do đó nên thận trọng khi dùng cho phụ nữ nuôi con bú.

Tác động của thuốc trong khi lái xe và vận hành máy móc:

Không có.

CẢNH BÁO VÀ THẬN TRỌNG

- Tránh tiếp xúc thuốc với mắt. Không được bôi vào mắt, uống hay cho vào âm đạo.
- Chỉ dùng bôi ngoài da. Tránh dùng một lượng lớn thuốc và bôi trên diện tích da lớn.
- Để thuốc ngoài tầm tay trẻ em.
- Tránh bôi thuốc lên mặt, nách, vùng quanh hậu môn, cơ quan sinh dục, mắt và niêm mạc.
- Ngừng điều trị nếu thấy có kích ứng.
- Không dùng chế phẩm này cho các bệnh nhân bị lao da, thủy đậu, herpes simplex, sởi, bệnh đậu bò, bệnh giang mai, loét da.
- Giống với các thuốc kháng khuẩn khác, dùng kéo dài có thể dẫn đến quá phát các vi sinh vật không nhạy cảm, bao gồm cả nấm.
- Dùng Corticosteroid tại chỗ có thể gây ức chế trục tuyến yên- dưới đồi- thượng thận (HPA), biểu hiện của hội chứng Cushing, tăng đường huyết và glucose niệu ở một số bệnh nhân. Nên tránh dùng thuốc trong thời gian dài, đặc biệt là trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ, vì ức chế trục tuyến thượng thận do dùng Beclometasone có thể xảy ra ngay cả khi không băng kín vết thương.
- Các điều kiện làm tăng hấp thu bao gồm cả việc dùng các corticosteroid trên bề mặt da lớn, dùng trong thời gian dài, và trong điều kiện băng kín vết thương. Dùng đồng thời nhiều sản phẩm có chứa corticosteroid có thể làm tăng phơi nhiễm toàn thân với glucocorticoid.

TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN

Clotrimazole

Nói chung, chế phẩm clotrimazole dùng tại chỗ được dung nạp tốt.

Các tác dụng bất lợi có thể xảy ra với việc sử dụng các chế phẩm clotrimazole tại chỗ bao gồm:

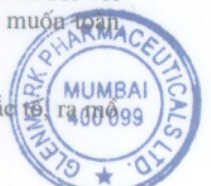
ban đỏ da, đau nhức, bong rất, kích ứng da, ngứa, nổi mề đay và phù. Chứng viêm da tiếp xúc hiếm khi xảy ra.

Beclotrimazole

Như tất cả các corticosteroid bôi ngoài da, tỷ lệ mắc phải và mức độ nghiêm trọng của các tác dụng không mong muốn tại chỗ hay toàn thân tăng lên khi có các nhân tố làm tăng hấp thu qua da. Tăng hấp thu qua da đối với corticosteroid bôi da trong trường hợp băng kín hay bôi quá nhiều sẽ dẫn đến tác dụng không mong muốn toàn thân như tăng đường huyết, glucose niệu và ức chế trục tuyến yên-dưới đồi-thượng thận.

Một số tác dụng không mong muốn được thấy khi dùng steroid tại chỗ là:

Tại chỗ: viêm da tiếp xúc dị ứng, viêm nang lông, teo da, nổi trứng cá, viêm da quanh miệng, giảm sắc tố, hói trộm, rạn da, khía da, teo mô dưới da, và rụng tóc.



Phản ứng không mong muốn toàn thân như đục thủy tinh thể, hội chứng Cushing, rậm lông, tăng huyết áp, phù, loét dạ dày....

Gentamicin

Đối với các bệnh nhân bị các bệnh da điều trị bằng gentamicin sulfat, kích ứng (ban đỏ da và ngứa) mà thường không cần ngừng điều trị đã được báo cáo ở một tỷ lệ nhỏ các trường hợp. Tuy nhiên, chưa có bằng chứng về phản ứng kích ứng hay nhạy cảm trong bất kỳ những bệnh nhân này được thử nghiệm bằng băng thử gentamicin sulfat trên da lành. Mẫn cảm với ánh sáng đã được báo cáo ở một số bệnh nhân nhưng không thấy khi dùng lại gentamicin sulfat rồi chiếu tia cực tím.

TƯƠNG TÁC THUỐC

Chưa có thông tin về tương tác thuốc với chế phẩm kết hợp Clotrimazole/ Gentamicin/ Beclometasone dùng tại chỗ. Hấp thu thuốc là rất ít, nên không có khả năng tương tác thuốc.

TÍNH GÂY UNG THƯ, ĐỘT BIẾN GEN VÀ SUY GIẢM KHẢ NĂNG SINH SẢN

Chưa có dữ liệu về ảnh hưởng của chế phẩm kết hợp Clotrimazole/ Gentamicin/ Beclometasone dùng tại chỗ về tính gây ung thư, đột biến gen và suy giảm khả năng sinh sản. Các dữ liệu riêng rẽ cho từng chất là như sau:

Clotrimazole

Chưa có dữ liệu về ảnh hưởng của kem Clotrimazole về tính gây ung thư, đột biến gen và suy giảm khả năng sinh sản. Trong một nghiên cứu dùng uống clotrimazole 18 tháng trên chuột cống đã không cho thấy bất kỳ tác dụng gây ung thư nào.

Trong các thử nghiệm về đột biến gen, các nhiễm sắc thể chuột đồng Trung Quốc phơi nhiễm với clotrimazole đã được kiểm tra về các thay đổi cấu trúc trong giai đoạn phân bào. Trước khi thử nghiệm, đã cho chuột dùng 5 liều 100mg/kg clotrimazole đường uống. Kết quả cho thấy Clotrimazole không gây đột biến gen.

Beclometasone dipropionate

Các nghiên cứu dài hạn trên động vật chưa được thực hiện để đánh giá khả năng gây ung thư của Beclometasone dipropionate. Tính gây ung thư của Beclometasone dipropionate được đánh giá ở chuột cống dùng liều 0,4mg/kg/ngày bằng đường hít trong 13 tuần và liều 2,4 mg/kg/ngày bằng đường uống trong 82 tuần sau. Không có bằng chứng về tính gây ung thư trong nghiên cứu này ở liều cao nhất, gấp khoảng 30 và 55 lần liều khuyến cáo tối đa bằng đường hít hàng ngày ở người lớn và trẻ em, tính theo mg/m².

Gentamicin

Chưa có các nghiên cứu được công bố về tính gây ung thư và suy giảm khả năng sinh sản của gentamicin. Gentamicin không gây đột biến gen.

QUÁ LIỀU

Chưa có trường hợp dùng quá liều kem Candiderm. Nếu lỡ nuốt phải thuốc, phải hỏi ý kiến bác sĩ ngay lập tức. Hấp thu toàn thân các corticosteroid bôi ngoài da có thể gây ức chế trục tuyến yên-dưới đồi-thượng thận, hội chứng Cushing, tăng đường huyết và glucose niệu ở một số bệnh nhân.

Trẻ em có thể hấp thu lượng lớn hơn các corticosteroid bôi ngoài da và do đó dễ bị ngộ độc toàn thân hơn. Nếu thấy kích ứng, phải ngừng bôi corticosteroid và có liệu pháp điều trị phù hợp.

Những bệnh nhân dùng tại chỗ lượng lớn hoặc bôi lên bề mặt da rộng các steroid mạnh cần được đánh giá định kỳ về triệu chứng ức chế trục tuyến yên-dưới đồi-thượng thận bằng thử nghiệm cortisol tự do trong nước tiểu và thử nghiệm kích thích ACTH. Nếu thấy triệu chứng ức chế trục tuyến yên-dưới đồi-thượng thận, nên ngừng dùng thuốc, giảm số lần dùng hoặc thay thế bằng một steroid yếu hơn.

Điều trị: Khi dùng thuốc quá liều, cần điều trị triệu chứng. Các triệu chứng quá liều corticosteroid cấp thường hồi phục được. Điều trị mất cân bằng điện giải nếu cần thiết. Trong các trường hợp bị ngộ độc mạn tính, khuyến ngừng dùng corticosteroid từ từ.

Thông báo với bác sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc.

TRÌNH BÀY: Tuýp 5g và 15 g

BẢO QUẢN: Bảo quản ở nhiệt độ dưới 25°C, tránh ánh sáng.

Hạn dùng: 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

Tiêu chuẩn: Nhà sản xuất

Không dùng thuốc quá hạn sử dụng. Để thuốc xa tầm tay trẻ em.

Sản xuất bởi:

GLENMARK PHARMACEUTICALS LTD.

Plot No. E-37, 39 MIDC Area, Satpur, Nasik-422 007, Maharashtra, INDIA

Chank

